TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **188**/2024/DS-ST
Ngày 18-10-2024
"Về việc tranh chấp tiền hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hữu Hiệp

Ông Trịnh Thanh Trần

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 211/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2024 về việc "*Tranh chấp tiền hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị H, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau.

* *Bị đơn:* Bà Phạm Thị L, sinh năm 1955.

Ông Trần Văn E, sinh năm 1955.

* *Người đại diện theo uỷ quyền của bà Phạm Thị L:* Ông Trần Văn E, sinh năm 1955 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp B, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho của bà Phạm Thị L:* Bà Nguyễn Thị Cẩm H1 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung Tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn bà Đoàn Thị H trình bày:*

Ông Trần Văn E và bà Phạm Thị L có tham gia chơi hụi do bà làm chủ ông E và bà L tham gia chơi dây hụi số 1 và dây hụi số 2 cùng mở vào ngày 10/8/2019 âm lịch trong dây hụi số 2, loại hụi 02 triệu đồng tổng số 26 chưng ông E bà L tham gia chơi 03 chưng, ông E bà L đã hốt: chưng thứ nhất vào tháng 11 năm 2019, chưng thứ hai vào tháng 4 năm 2020, chưng thứ ba vào tháng 2 năm 2021. Dây hụi số 1, loại hụi 02 triệu đồng tổng số 26 chưng ông E bà L tham gia chơi 03 chưng, ông E bà L

đã hốt chưng thứ nhất vào tháng 11 năm 2020 để mua xe cho con và đã giao tiền xong, chưng thứ hai vào tháng 4 năm 2021, chưng thứ ba vào tháng 5 năm 2021 và bà đã giao tiền hụi vào ngày 11 tháng 05 năm 2021, trong giấy Giao hụi bà có ghi cho ông E là "anh bảy hốt ngày 11 tháng 05 năm 2021" chết 22 chưng bằng 44.000.000 đồng sống 03 chưng bằng 4.800.000 đồng tổng cộng là 48.800.000 đồng tiền cò 1.000.000 đồng còn lại 47.800.000 đồng bà trừ tiền hụi chết 05 chưng 10 triệu đồng của hai dây hụi số 1 và số 2 số tiền còn lại bà đã giao cho ông E là 37.800.000 đồng bà đã đưa cho ông E số tiền 35.000.000 đồng bà còn nợ lại là 2.800.000 đồng khoảng ba ngày sau bà đã đưa cho ông E số tiền 2.800.000 đồng và có ghi trong giấy giao hụi là đã thanh toán xong như vậy bà không còn nợ tiền hụi của ông E và bà L, do đó bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà L, ông E về việc yêu cầu bà trả số tiền hụi là 15.800.000 đồng.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024 bà có yêu cầu phản tố, yêu cầu ông Trần Văn E và bà Phạm Thị L trả tiền hụi cho bà của dây hụi mở ngày 8/10/2020 loại hụi 3.000.000 đồng, ông E bà L tham gia chơi một chưng ông E bà L đã hốt hụi nhưng tới mãn dây hụi ông E bà L nợ bà 04 tháng hụi chết bằng số tiền là 12.000.000 đồng; dây hụi mở ngày 20/02/2021 loại hụi 2.000.000 đồng ông E bà L tham gia chơi một chưng ông E bà L đã hốt hụi nhưng tới mãn dây hụi ông E bà L còn nợ lại bà 09 tháng hụi chết bằng số tiền là 18.000.000 đồng; Dây hụi mở ngày 25/12/2020 loại hụi 2.000.000 đồng ông E bà L tham gia chơi 02 chưng ông E bà L đã hốt một chưng nhưng tới mãn dây hụi ông E bà L còn nợ bà 07 tháng hụi chết bằng số tiền 14.000.000 đồng. Còn một chưng hụi sống ông E đã đóng cho bà được 18 tháng x 2.000.000 đồng bằng số tiền 36.000.000 đồng trừ tiền cò 1.000.000 đồng như vậy bà nợ bà L, ông E số tiền là 35.000.000 đồng đối trừ tiền hụi chết ông E bà L nợ bà tổng cộng là 44.000.000 đồng thì ông E, bà L còn nợ lại bà số tiền 9.000.000 đồng. Ngày 17 tháng 04 năm 2024 tại biên bản hòa giải của ấp B xã K thì ông Trần Văn E thừa nhận là có nợ bà số tiền hụi 9.000.000 đồng, ông E hứa đến ngày 17 tháng 7 năm 2024 trả cho bà nhưng đến nay không trả nay bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Trần Văn E và bà Phạm Thị L trả cho bà số tiền hụi là 9.000.000 đồng.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Phạm Thị L, bà Nguyễn Thị Cẩm H1 trình bày:*

Vào ngày 10/8/2019 âm lịch bà Đoàn Thị H có mở hai dây hụi là hụi 02 triệu đồng/tháng do bà H làm chủ vợ chồng bà L, ông E tham gia tổng số 06 chưng hụi ở hai dây hụi mỗi dây có 26 chưng, bà L ông E tham gia 03 chưng mỗi dây, trong danh sách hụi ghi tên là "7 lẹ" bà L, ông E đã bỏ hụi hốt hết 05 chưng hụi và bà H đã giao hụi xong. Bà L, ông E đã đóng lại tiền hụi chết cho bà H, còn lại một chưng hụi ở dây hụi số 2 bà L, ông E chưa hốt.

Từ tháng 6 năm 2021 đến khi mãn hụi là tháng 8 năm 2021 bà H không gom tiền hụi của bà L, ông E số tiền hụi còn nợ bà H là phần hụi chết 05 chưng bằng 10.000.000 đồng mỗi tháng, 03 tháng là 30 triệu đồng còn hụi sống 01 chưng x 02 tháng là 3.200.000 đồng tổng số tiền hụi bà L, ông E còn nợ bà H là 33.200.000 đồng còn phần chưng hụi sống đến khi mãn hụi vào tháng 8 năm 2021 là 25 phần với số tiền 50.000.000 đồng bà H chưa giao tiền hụi cho bà L, ông E đối trừ với tiền hụi

thiếu bà H là 33.200.000 đồng và trừ tiền cò 1.000.000 đồng thì bà H còn nợ bà L, ông E số tiền hụi là 15.800.000 đồng. Do đó bà L, ông E yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Đoàn Thị H trả số tiền hụi là 15.800.000 đồng.

**** Người đại diện theo uỷ quyền của bà Phạm Thị L và nguyên đơn ông Trần Văn E trình bày:*** ông thống nhất theo lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L. Ông xác định ông có hốt hụi vào ngày 11-5-2021, giấy giao hụi ngày 11-5-2021 là do bà H đưa cho ông, số tiền hụi ông H2 được bà H giao là 37.800.000 đồng sau khi đối trừ với tiền hụi chết ông thiếu bà H và bà H đã giao tiền hụi cho ông xong. Tuy nhiên nội dung ghi hụi chết như trong giấy bà H ghi là ông không đồng ý mà ông chỉ có 04 chưng hụi chết, chứ không phải 05 chưng như bà H ghi, ông có yêu cầu bà H ra điều chỉnh nhiều lần nhưng bà H không ra, việc ông trình bày giấy ghi hụi không đúng thì chỉ có ông nói với bà H không có ai khác biết sự việc này. Ông xác định ông có tham gia hoà giải tại biên bản hòa giải của ấp 2 xã K và ông thừa nhận có nợ bà H số tiền hụi là 9.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này, ông yêu cầu đối trừ với số tiền bà H thiếu vợ chồng ông là 15.800.000 đồng thì còn lại 6.800.000 đồng bà H phải trả cho vợ chồng ông. Ông không trình bày việc bà H còn thiếu tiền hụi của ông tại buổi hoài giải của ấp B, xã K là do ông sơ suất không biết nên không có trình bày.

Ngày 25/9/2024 ông Trần Văn E có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với bà Đoàn Thị H về việc yêu cầu bà H trả số tiền hụi 15.800.000 đồng. Ông đồng ý theo yêu cầu của bà H và đồng ý trả cho bà H số tiền hụi 9.000.000 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị L trình bày quan điểm bảo vệ:

Vào ngày 08/7/2024 bà Phạm Thị L, ông Trần Văn E có nộp đơn khởi kiện bà Đoàn Thị Hồng B bà H trả cho ông bà số tiền hụi là 15.800.000 đồng. Tuy nhiên vào ngày 25/9/2024 ông Trần Văn E là người đại diện theo uỷ quyền của bà Phạm Thị L có đơn xin rút lại đơn khởi kiện. Việc rút đơn của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu phản tố của bà Đoàn Thị Hồng B ông Trần Văn E, bà Phạm Thị L trả cho bà số tiền 9.000.000 đồng. Tại biên bản hoà giải ngày 20/8/2024 của Toà án nhân dân huyện U Minh, ông E đã thừa nhận và đồng ý trả do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Đoàn Thị H.

Về án phí bà L là người khuyết tật, ông E là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử xem miễn án phí cho bà L, ông E.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng, quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Đoàn Thị H khởi kiện bà Phạm Thị L, ông Trần Văn E yêu cầu trả tiền hụi nên quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp tranh chấp tiền hụi và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Trần Văn E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị L xin vắng mặt tại phiên toà nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

Trong quá trình tố tụng, ông Trần Văn E có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện. Do đó Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu của bà L, ông E. Bà L, ông E có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật. Tư cách đương sự được xác định lại như sau: bà Đoàn Thị H là nguyên đơn; ông Trần Văn E, bà Phạm Thị L là bị đơn.

[2]. Xét nội dung yêu cầu của bà Đoàn Thị H, bà H yêu cầu ông E trả cho bà H số tiền hụi là 9.000.000 đồng. Ông E thừa nhận có nợ và cũng đồng ý trả cho bà H số tiền 9.000.000 đồng nên yêu cầu của bà H là có căn cứ được chấp nhận. Do bà L, ông E là vợ chồng nên phải có trách nhiệm liên đới cùng ông E trả nợ. Hội đồng xét xử buộc ông Trần Văn E, bà Phạm Thị L cùng liên đới trả cho bà Đoàn Thị H số tiền hụi là 9.000.000 đồng.

[3]. Xét quan điểm bảo vệ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự là phù hợp nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Yêu cầu của bà Đoàn Thị H được Toà án chấp nhận nên không phải chịu án phí. Bà L, ông E phải chịu án phí 5% đối với số tiền phải trả cho bà H. Tuy nhiên bà Phạm Thị L, ông Trần Văn E là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 217; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị H về việc yêu cầu bà Phạm Thị L, ông Trần Văn E trả tiền hụi.

Buộc bà Phạm Thị L, ông Trần Văn E có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đoàn Thị H số tiền hụi là 9.000.000 (Chín triệu) đồng.

2. Đình chỉ yêu cầu của bà Phạm Thị L, ông Trần Văn E về việc yêu cầu bà Đoàn Thị H trả tiền hụi 15.800.000 đồng. Bà L, ông E được quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bà Đoàn Thị H không phải chịu án phí. Ngày 09 tháng 8 năm 2024 bà H đã dự nộp số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lại thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0006656 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh tỉnh Cà Mau được nhận lại.

Bà Phạm Thị L, ông Trần Văn E được miễn án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị L1